

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 291/2024/DS-PT

Ngày 13/9/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh, bà Nguyễn Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 209/2024/TLPT-DS, ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-DS ngày 21/5/2024 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 252/2024/QĐXX-PT ngày 15 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 263a/2024/QĐ PT ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng T1, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền ngày 06/8/2024), có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Y S Ayũn, sinh năm 1969; bà H B Niê, sinh năm 1972; Địa chỉ: Buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đều có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông (theo văn bản ủy quyền ngày 29/7/2024), có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Y S Ayũn và bà H B Niê và người đại diện theo ủy quyền bị đơn ông Nguyễn Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Quá trình quen biết nên vợ chồng ông Y S Ayũn, bà H B Niê có vay nợ tiền của bà T để chăm sóc cà phê và trả nợ ngân hàng. Hai bên đã lập giấy vay tiền ngày 26/12/2022 với số tiền nợ là 790.299.000 đồng; thời hạn trả nợ đến ngày 25/02/2023; lãi suất thoả thuận 1.5%/tháng. Tuy nhiên, đến nay ông Y S Ayũn, bà H B Niê vẫn

không trả nợ cho bà T. Vậy nên bà T yêu cầu ông Y S Ayün, bà H B Niê phải trả cho bà T tiền gốc là 790.299.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2023 cho đến khi trả nợ xong; lãi tính đến ngày 15/11/2023: $790.299.000 \text{ đồng} \times 1.5\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 124.472.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 15/11/2023 là $790.299.000 \text{ đồng} + 124.472.000 \text{ đồng} = 914.771.000 \text{ đồng}$ và tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bà T yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tài sản của người có nghĩa vụ theo Quyết định số 20/2023/QĐ-BPKCTT ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk để đảm bảo cho việc thi hành án.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn tại cấp sơ thẩm trình bày:**

Vợ chồng ông Y S Ayün, bà H B Niê thừa nhận có nợ của bà T số tiền 790.299.000 đồng như giấy nợ đã ký kết. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả được. Nay bà T khởi kiện thì bị đơn đồng ý trả số tiền nợ cho bà T nhưng đề nghị bà T tạo điều kiện phương án trả nợ hợp lý cho bị đơn.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn chỉ nợ của bà T số tiền 479.000.000 đồng vào cùng thời gian ghi trong Giấy vay tiền mà bà T cung cấp. Bị đơn thừa nhận đúng chữ ký của bị đơn trong Giấy vay tiền ngày 26/12/2022. Tuy nhiên, do bị đơn là người đồng bào thiếu hiểu biết nên chỉ biết ký nợ chứ không biết nội dung. Trong quá trình hoà giải, bị đơn có thừa nhận nợ số tiền 790.299.000 đồng và đồng ý trả cho bà T là do bị đơn nghĩ sẽ thương lượng được hai bên để bán rẫy trả nợ nhưng sau đó không được. Vì vậy, tại phiên toà bị đơn mới có sự thay đổi lời khai. Phía bị đơn đề nghị Toà án tiếp tục xét xử để kết thúc vụ án vì bị đơn không có giấy tờ gì để cung cấp cho Toà án.

Quá trình thụ lý giải quyết tại cấp phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Thanh T2 trình bày:

Nguyên đơn bà T là người kinh doanh phân bón, thu mua nông sản, mỗi khi vợ chồng bà H B Niê cần phân bón và tiền chi tiêu thì có lấy phân bón và vay tiền bà T, đến cuối mùa cà phê thì vợ chồng bà H B bán lại cà phê cho bà T để trừ nợ từ nhiều năm, từ năm 2016 đến năm 2023 thì vợ chồng bà H B có vay tiền phân bón và tiền chi tiêu nhiều lần với lãi suất cao, đồng thời các bên có làm sổ nợ với nhau, do bà T tính lãi 4%/tháng và cộng dồn số tiền lãi nhiều lần thành gốc. Quá trình vay thì bà H B nhiều lần trả cà phê cho bà T. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm thì bà H B đã cung cấp các tài liệu cho người đại diện uỷ quyền là bà H B Byã nhưng bà H B Byã không cung cấp cho tòa án tại cấp sơ thẩm. Căn cứ tài liệu phía bị đơn cung cấp tại cấp phúc thẩm thì có thể hiện vào năm 2019, thì bà H B Niê và con gái là H B1 Niê có nợ bà T số tiền 771.400.000 đồng hẹn đến ngày 15/12/2020 trả đủ và thực tế thì bà H B1 có cần cà phê cho bà T để trả nợ nhưng bà T chỉ khởi kiện bà H B và ông Y S là không đúng, vì bà H B1 là đồng bị đơn. Căn cứ giấy vay tiền đề ngày 26/12/2022 do bà T lập thể hiện tiền lãi đối với số tiền 790.299.000 từ ngày 01/01/2023 đến ngày 25/02/2023 = 24 ngày x lãi 1,5%/tháng = 9.483.000 là tiền lãi trong hạn, nhưng tòa án cấp sơ thẩm tính tiền lãi từ 01/01/2023 đến 25/05/2024 = 197.969.000 đồng mà không xem xét lãi trong hạn và quá hạn là vi phạm tố tụng. Căn cứ giấy vay tiền ngày 26/12/2022 bà T lập có nội dung “*Nếu vợ chồng bà H B*

không có tiền trả nợ thì bán rẫy trả nợ”. Do đó, vợ chồng bà H B Niê chưa vi phạm thời hạn trả nợ, nhưng cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T và ban hành quyết định khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của bà H B là không đúng. Theo giấy vay tiền ngày 26/12/2022 bà T lập thể hiện nội dung vay tiền và chăm sóc cà phê là không đúng sự thật. Thực tế là tiền vay phân bón từ năm 2016 đến năm 2022 bà T tính lãi cao 4% cộng dồn lại.

Do đó, tòa án sơ thẩm căn cứ giấy vay tiền chăm sóc cà phê và trả ngân hàng ngày 26/12/2022 để buộc vợ chồng bà H B Niê và ông Y S Ayũn phải trả tổng số tiền 988.268.000 đồng là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà H B Niê, thực tế từ năm 2016 đến năm 2023 vợ chồng bà H B Niê và bà H B1 Niê có vay của bà T tổng số tiền 638.654.000 đồng và đã trả 600.451.000 đồng, cùng 5.157 kg cà phê nhân xô còn nợ lại 790.299.000 đồng là không phù hợp, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 09/2024/DS-DS ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 09/2024/ST-DS ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T: Buộc bị đơn ông Y S Ayũn, bà H B Niê phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T tổng số tiền 988.268.000 đồng (Chín trăm tám mươi tám triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng); Trong đó: Nợ gốc là 790.299.000 đồng và nợ lãi là 197.969.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời, về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/6/2024, bị đơn ông Y S Ayũn và bà H B Niê kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận một phần kháng cáo và bác một phần khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 22/8/2024 đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn yêu cầu xin sửa đổi bổ sung nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Y S Ayũn và bà H B Niê và người đại

diện theo ủy quyền của bị đơn, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Y S Ayũn, bà H B Niê nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy: Giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T và bị đơn vợ chồng bà H B Niê và ông Y S Ayũn, có mối quan hệ quen biết với nhau. Do vậy từ tháng 3 năm 2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T, nhiều lần cho bị đơn bà H B Niê và ông Y S Ayũn vay tiền và phân bón quy ra tiền, cho đến ngày 26/12/2022, giữa bà H B Niê và ông Y S Ayũn có chốt nợ lần cuối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T, với tổng số tiền nợ là 790.299.000 đồng, các bên có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng tính từ ngày 01/01/2023 cho đến ngày 25/02/2023, bị đơn bà H B Niê và ông Y S Ayũn phải trả cho bà T tiền gốc và tiền lãi phát sinh.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H B Niê và ông Y S Ayũn không đồng ý trả khoản tiền 790.299.000 mà chỉ chấp nhận trả cho bà T số tiền 479.000.000 đồng, xét thấy:

Căn cứ vào các tình tiết, chứng cứ mà bị đơn cung cấp tại cấp phúc thẩm như sau: “DL 01/3/2020 mị sáu H B Niê (chồng Y S Ayũn), con gái H B1 Niê.... Có vay số tiền 771.400.000 đồng hẹn đến 15/12/2020 trả đủ, 6/7/2020 vay phân 9.005.000, TC(g) 709.415.000 lãi 1,6%/tháng tính từ ngày 1/1/2021 tính tới, hạn cuối 30/5/2021 trả đủ số tiền”; Tại giấy có nội dung: “ DL 4/3/2020 Mị sáu H B Niê tính nợ âm lại + Vay mới là 790.702.000 hẹn 30/3/2022 trả đủ lãi 1,8% x 6T = 85.345.000 tổng cộng 876.097.000 đồng hẹn 30/6/2022 trả đủ, DL 26/12/2023 tính nợ trừ nợ xay cà phê cân của năm 2022 được - 117.727.000 còn âm lại: 790.299.000 đồng gốc 2022 của tháng 6/2022 và hẹn 25/2/2023 trả đủ (bán rẫy trả đủ) lãi 1,5%/tháng tính từ 1/1/2023 tới 25/2 trở đi”. Như vậy, có căn cứ xác định giữa bà T và ông Y S Ayũn, bà H B Niê có quan hệ vay mượn tiền từ năm 2020 đến năm 2023, khi xác lập số tiền vay thì các bên đều xác nhận nợ qua từng thời điểm và thời hạn trả nợ cũng như lãi suất của những lần vay, cho đến lần cuối cùng giữa nguyên đơn bà T và bị đơn ông Y S Ayũn, bà H B Niê chốt nợ lần cuối với nguyên đơn bà T vào ngày 26/12/2022 với tổng số tiền là 790.299.000 đồng là có thật và bị đơn ông Y S Ayũn, bà H B Niê đều thừa nhận chữ viết và chữ ký vào giấy vay tiền ngày 26/12/2022 là nét chữ và chữ ký của bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn ông Y S Ayũn, bà H B Niê thừa nhận “có vay số tiền 790.00.000 đồng của chị T. Nay vợ chồng tôi xin trả dần 50.000.000 đồng/1 năm”(BL số 20 và 32). Với tình tiết, chứng cứ trên nhận thấy: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T về yêu cầu bị đơn

ông Y S Ayũn, bà H B Niê phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 790.299.000 đồng và nợ lãi là 197.969.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm, không đưa con gái của bị đơn là bà H B1 Niê vào tham gia tố tụng trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào nội dung giấy vay tiền ngày 26/12/2022 mà các bên thỏa thuận, xác lập đều thể hiện khoản vay với tổng số tiền 790.299.000 đồng là chỉ có bà H B Niê và ông Y S Ayũn ký nhận vay số tiền trên, ngoài ra không có ai và nội dung này được bà H B Niê và ông Y S Ayũn thừa nhận tại cấp sơ thẩm không phản đối. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm bà H B1 Niê và chồng, đều từ chối nghĩa vụ cùng liên đới trả khoản tiền trên cho nguyên đơn bà T. Do vậy, kháng cáo của người đại diện cho bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà là H B1 Niê là con gái của bị đơn vào tham gia tố tụng với tư cách là đồng bị đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, phải hủy bản án dân sự sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng, giấy vay tiền đề ngày 26/12/2022 do bà T lập thể hiện tiền lãi đối với số tiền 790.299.000 từ ngày 01/01/2023 đến ngày 25/02/2023 = 24 ngày x lãi 1,5%/tháng = 9.483.000 là tiền lãi trong hạn, nhưng tòa án cấp sơ thẩm tính tiền lãi từ 01/01/2023 đến 25/05/2024 = 197.969.000 đồng mà không xem xét lãi trong hạn và quá hạn là vi phạm tố tụng, nhận thấy:

Theo giấy vay tiền đề ngày 26/12/2022 có thể hiện việc các bên thỏa thuận tiền lãi đối với số tiền 790.299.000 đồng từ ngày 01/01/2023 đến ngày 25/02/2023 là 1,5%/tháng, nhưng cấp sơ thẩm đã tính lãi suất cố định là 1,5%/tháng tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/5/2024 với số tiền lãi 197.969.000 đồng là không phù hợp, bởi lẽ căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì khoản tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- Tiền nợ lãi trong hạn tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 25/2/2023 (ngày vi phạm nghĩa vụ) là 55 ngày x 1,5%/tháng x 790.299.000 đồng = 21.733.000 đồng (lấy tròn).

- Tiền nợ lãi của khoản tiền lãi chậm trả tính từ ngày 26/02/2023 đến ngày 22/5/2024 (ngày xét xử sơ thẩm): 451 ngày x 10%/365 ngày x 21.733.000 đồng = 2.685.000 đồng (lấy tròn).

- Tiền lãi quá hạn của khoản vay 790.299.000 đồng tạm tính từ ngày 26/2/2023 đến ngày 22/5/2024 (ngày xét xử sơ thẩm): 451 ngày x 1,5%/tháng x 150% x 790.299.00 đồng = 267.319.000 đồng (lấy tròn).

Tổng cộng các khoản tiền lãi là: 21.733.000 đồng + 2.685.000 đồng + 267.319.000 đồng = 291.737.000 đồng.

Tuy nhiên, xét thấy số tiền tính lãi trong hạn và quá hạn theo nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là gây bất lợi cho bị đơn. Mặt khác, nguyên đơn không có kháng cáo và việc tính lãi trên là phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn nên cần giữ nguyên khoản tiền lãi như cấp sơ thẩm đã tuyên.

[2.5] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 20/2023/QĐ-BPKCTT ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, xét thấy:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 138 BLTTDS. Việc hủy bỏ, Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, do Tòa án ra quyết định giải quyết. Mặt khác, yêu cầu hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, không thuộc trong các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLTTDS, nên cần tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ. Theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 20/2023/QĐ-BPKCTT ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Từ những căn cứ, nhận định nêu trên: Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc vợ chồng bà H B Niê và ông Y S Ayũn phải trả cho nguyên đơn bà T số tiền gốc 790.299.000 đồng và tính lãi suất theo các bên thỏa thuận 1,5%/tháng tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/5/2024 với số tiền 197.969.000 đồng là phù hợp. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người đại diện cho bị đơn bà H B Niê, ông Y S Ayũn, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên bà H B Niê và ông Y S Ayũn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Y S Ayũn, bà H B Niê và người đại diện cho bị đơn ông Nguyễn Thanh T2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 1 Điều 29; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T.

Buộc bị đơn ông Y S Ayũn, bà H B Niê phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T tổng số tiền 988.268.000 đồng (Chín trăm tám mươi tám triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng); Trong đó: Nợ gốc là 790.299.000 đồng và nợ lãi là 197.969.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo

mức lãi suất hai bên thoả thuận 1,5%/tháng quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ. Theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 20/2023/QĐ-BPKCTT ngày 17/11/2023 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Y S Ayũn, bà H B Niê phải chịu số tiền 41.648.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 19.722.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2022/0004222 ngày 16/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk.

2.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Y S Ayũn, bà H B Niê mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ trong số tiền ông Y S Ayũn, bà H B Niê đã nộp tại biên lai thu số AA/2023/0006292 và AA/2023/0006293 cùng ngày 26/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Bà Nguyễn Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Viện KSND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- TAND huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng